

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – ĐỀ 5**MÔN: TIẾNG ANH 5 ILEARN SMART START****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****LỜI GIẢI CHI TIẾT****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com****I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the rest.**

1.

A. cleaned: /kli:nd/

B. stayed: /steɪd/

C. painted: /'peɪntɪd/

Đáp án C có đuôi -ed được phát âm là /ɪd/, những từ còn lại đều có đuôi -ed được phát âm là /d/.

Đáp án: C

2.

A. used /ju:zd/

B. planted /'plɑ:n.tɪd/

C. needed /'ni:.dɪd/

Đáp án A có đuôi -ed được phát âm là /d/, những từ còn lại đều có đuôi -ed được phát âm là /ɪd/.

Đáp án: A

3.

A. watched: /wɒtʃt/

B. received: /rɪ'si:vɪd/

C. washed: /wɒʃt/

Đáp án B có đuôi -ed được phát âm là /ɪd/, những phương án còn lại đuôi -ed đều được phát âm là /t/.

Đáp án: B

II. Listen and choose the correct answers.**Bài nghe:**

1.

A: Do you like history, Emma?

B: No, not really. It's not fun.

A: Which subject do you like?

B: I like science. It's exciting.

A: Why do you like science?

B: I like it because I like doing experiments.

A: Cool.

2.

A: When do you have art?

B: I have art on Wednesdays.

A: Do you like it?

B: No, I don't.

A: Which subject do you like?

B: I like math.

A: Why do you like it?

B: I like it because I like solving problems.

A: Great.

3.

A: We have math on Mondays. Do you like math, Sue?

B: No, I don't. It's boring.

A: Which subject do you like?

B: I like I.T.

A: Why do you like it?

B: I like it because I enjoy using computers.

4.

A: Your Vietnamese is very good.

B: Thank you, Nick.

A: Why do you like Vietnamese?

B: I like it because I enjoy learning languages.

A: That does sound fun. I like learning languages, too.

Tạm dịch:

1.

A: Emma, cậu có thích môn lịch sử không?

B: Không, thật ra thì không thích. Nó không thú vị lắm.

A: Thế cậu thích môn nào?

B: Tôi thích môn khoa học. Nó rất hấp dẫn.

A: Tại sao cậu thích khoa học?

B: Tôi thích nó vì tôi thích làm thí nghiệm.

A: Ngầu đấy.

2.

A: Khi nào cậu có tiết mỹ thuật?

B: Tôi có mỹ thuật vào thứ Tư.

A: Cậu thích môn đó không?

B: Không, tôi không thích lắm.

A: Thế cậu thích môn nào?

B: Tôi thích toán.

A: Tại sao cậu thích toán?

B: Tôi thích vì tôi thích giải bài tập.

A: Tuyệt.

3.

A: Chúng ta có tiết toán vào thứ Hai. Sue, cậu có thích toán không?

B: Không, tôi không thích. Nó chán lắm.

A: Thế cậu thích môn nào?

B: Tôi thích môn tin học.

A: Tại sao cậu thích nó?

B: Tôi thích vì tôi thích dùng máy tính.

4.

A: Tiếng Việt của cậu giỏi thật đấy.

B: Cảm ơn, Nick.

A: Tại sao cậu thích tiếng Việt?

B: Tôi thích vì tôi thích học ngôn ngữ.

A: Nghe thú vị đấy. Tôi cũng thích học ngôn ngữ nữa.

1.

Giải thích:

Which subject does she like?

(Cô ấy thích môn học nào?)

A. Science (khoa học)

B. History (lịch sử)

C. Math (toán)

Thông tin:

A: Which subject do you like?

(Thế cậu thích môn nào?)

B: I like science. It's exciting.

(Tôi thích môn khoa học. Nó rất hấp dẫn.)

Đáp án: A

2.

Giải thích:

When does he have Art?

(Khi nào họ có môn mỹ thuật?)

A. Mondays (mỗi thứ Hai)

B. Wednesdays (mỗi thứ Tư)

C. Fridays (mỗi thứ Sáu)

Thông tin:

A: When do you have Art?

(Khi nào cậu có tiết mỹ thuật?)

B: I have art on Wednesdays.

(Tôi có mỹ thuật vào thứ Tư.)

Đáp án: B

3.

Giải thích:

Which subject does she like?

(Cô ấy thích môn học nào?)

A. Math (toán)

B. I.T. (*tin học*)

C. Music (*nhạc*)

Thông tin:

A: Which subject do you like?

(*Bạn thích môn học nào?*)

B: I like I.T.

(*Tớ thích tin học.*)

Đáp án: B

4.

Giải thích:

Why does she like Vietnamese?

A. Because it's useful.

(*Bởi vì nó hữu ích.*)

B. Because she likes learning languages.

(*Bởi vì cô ấy thích học ngôn ngữ.*)

C. Because she likes using computers.

(*Bởi vì cô ấy thích dùng máy vi tính.*)

Thông tin:

A: Why do you like Vietnamese?

(*Tại sao cậu thích tiếng Việt?*)

B: I like it because I enjoy learning languages.

(*Tớ thích vì tớ thích học ngôn ngữ.*)

Đáp án: B

III. Choose the correct answers.

1.

Giải thích:

A. blow (v): thổi

B. put up (n): dựng lên

C. wrap (v): bọc

put up a Christmas: trang trí cây thông Giáng Sinh

People **put up** a Christmas tree to celebrate Christmas.

(Mọi người trang trí cây thông để chào đón Giáng Sinh.)

Đáp án: B

2.

Giải thích:

A. present (n): món quà

B. subject (n): môn học

C. holiday (n): kì nghỉ

Nhận thấy “science” trong câu trả lời là tên một môn học, vậy nên câu hỏi phải là câu hỏi về môn học.

Which **subject** does he like? – He like science.

(Môn học yêu thích của anh ấy là gì? – Anh ấy thích môn khoa học.)

Đáp án: B

3.

Giải thích:

A. What: cái gì - hỏi về sự vật, sự việc

B. When: khi nào - hỏi về thời điểm

C. How: như thế nào – hỏi về cách thức => được dùng để hỏi về phương thức di chuyển

How did you get there? – I went by plane.

(Bạn đã đến đó bằng cách nào? – Tôi đi bằng máy bay.)

Đáp án: C

4.

Giải thích:

A. always: luôn luôn

B. sometimes: thỉnh thoảng

C. never: không bao giờ.

I **always** ride my bike to school. I do it every day.

(Tôi luôn đi học bằng xe đạp. Tôi đi mỗi ngày.)

Đáp án: A

5.

Giải thích:

A. twenty-five: số 25 (số đếm)

B. twenty-fifth: ngày 25 (số thứ tự, được dùng cho các ngày trong tháng.)

C. twenteen-fifth: từ sai

Christmas Day is on December **twenty-fifth**.

(Giáng Sinh là ngày 25 tháng 12.)

Đáp án: B

IV. Read and complete.

Hi Jane,

How are you? I got back from my summer vacation last night. It was amazing! I went to the beach with my family and stayed at a beautiful hotel. There was a big skate park at the hotel, and Tom and I skated together. We had a lot of fun. The food at the hotel was delicious. They served spring rolls, salad, pasta, and soup. I loved all the food there. On the last day of the vacation, Ben wanted to go camping. There was a forest near the beach, so we went camping and had a barbecue there. It was really cool!

I had such a great time on my vacation. How was yours, Jane?

Write back to me.

Lucy

Tạm dịch:

Chào Jane,

Cậu thế nào rồi? Tôi vừa trở về từ kỳ nghỉ hè tối qua. Thật tuyệt vời! Tôi đã đi biển với gia đình và ở tại một khách sạn rất đẹp. Khách sạn có một công viên trượt ván lớn, và Tom với tôi đã cùng trượt ván ở đó. Chúng tôi đã có rất nhiều niềm vui. Đồ ăn ở khách sạn thì ngon tuyệt. Họ phục vụ chả giò, salad, mì Ý và súp. Tôi mê tất cả các món ăn ở đó. Vào ngày cuối cùng của kỳ nghỉ, Ben muốn đi cắm trại. Có một khu rừng gần bãi biển, nên bọn tôi đã đi cắm trại và tổ chức tiệc nướng ở đó. Thật sự rất thú vị!

Kỳ nghỉ của tôi vui không tưởng. Kỳ nghỉ của cậu thì thế nào, Jane?

Viết lại cho tôi nhé.

Lucy

1.

Giải thích:

Lucy came back from her summer vacation _____.

(Lucy quay trở về từ kì nghỉ hè của cô ấy vào _____.)

Thông tin:

I got back from my summer vacation last night.

(Tôi vừa trở về từ kỳ nghỉ hè tối qua.)

Đáp án: last night

2.

Giải thích:

Lucy went to the _____ with her family.

(Lucy đã đi đến _____ cùng gia đình của cô ấy.)

Thông tin:

I went to the beach with my family and stayed at a beautiful hotel.

(Tôi đã đi biển với gia đình và ở tại một khách sạn rất đẹp.)

Đáp án: beach

3.

Giải thích:

The family stayed at _____.

(Gia đình đã ở _____.)

Thông tin:

I went to the beach with my family and stayed at a beautiful hotel.

(Tôi đã đi biển với gia đình và ở tại một khách sạn rất đẹp.)

Đáp án: a beautiful hotel

4.

Giải thích:

The soup, pasta, salad, and spring rolls at the hotel were _____.

(Món súp, mì ý, rau trộn và gỏi cuốn ở khách sạn _____.)

Thông tin:

The food at the hotel was delicious. They served spring rolls, salad, pasta, and soup.

(Đồ ăn ở khách sạn thì ngon tuyệt. Họ phục vụ món chả giò, salad, mì Ý và súp.)

Đáp án: delicious

5.

Giải thích:

Lucy and Ben _____ in the forest.

(Lucy và Ben _____ trong rừng.)

Thông tin:

There was a forest near the beach, so we went camping and had a barbecue there.

(Có một khu rừng gần bãi biển, nên bọn tớ đã đi cắm trại và tổ chức tiệc nướng ở đó.)

Đáp án: had a barbecue

V. Make meaningful sentences, using the words given.

1. Why / you / like / English?

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì hiện tại đơn:

Wh + do/does + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Đáp án: Why do you like English?

(Tại sao bạn thích môn tiếng Anh?)

2. What / people / do / celebrate / Lunar New Year?

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì hiện tại đơn:

Wh + do + chủ ngữ số nhiều + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Đáp án: What do people do to celebrate Lunar New Year?

(Mọi người làm gì để chào đón Tết Nguyên Đán?)

3. I / visit / Seoul / last month.

Giải thích:

Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở dạng quá khứ + tân ngữ.

Đáp án: I visited Seoul last month.

(Tôi đã đến thăm Seoul tháng trước.)

4. What time / your / math class / start?

Giải thích:

Cấu trúc câu hỏi Wh ở thì hiện tại đơn:

Wh + does + chủ ngữ số ít + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Đáp án: What time does your math class start?

(Lớp toán của bạn bắt đầu lúc mấy giờ?)

5. I / not / go / lake / yesterday.

Giải thích:

Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

Chủ ngữ + động từ ở dạng quá khứ + tân ngữ.

Đáp án: I didn't go to the lake yesterday.

(Hôm qua tôi đã không đến hồ.)